TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:02/2022/DS - ST
Ngày: 14-01- 2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Duy Chuyên
2. Bà Hoàng Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân h. Hoằng Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Long - KSV

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2021/TLST- DS, ngày 14 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2021/QĐXXST- DS, ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/QĐST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959. Có mặt
Địa chỉ: Thôn 5, xã Hoằng Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Bà Hắc Thị L, sinh năm 1969. Có mặt
Địa chỉ: Thôn 6, xã Hoằng Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2021, bản tự khai ngày 21/10/2021, biên bản hòa giải ngày 24/11/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Nguyễn Thị M trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 30/10/2019(âm lịch) bà L có đến hỏi tôi vay tiền để mua ô tô. Tôi đồng ý cho bà L vay với tổng các lần số tiền vay là 80.000.000đ(Tám mươi triệu đồng). Bà L hẹn tôi đến ngày 30/02/2020 âm lịch sẽ trả cho tôi số tiền trên. Tuy nhiên đến hẹn bà L vẫn không trả cho tôi,

nhiều lần tôi đến nhà bà L yêu cầu bà trả tiền nhưng bà chỉ trả cho tôi nhỏ giọt làm nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 16/8/2020 âm lịch trả 5.000.000đồng.
- Ngày 26/9/2020 âm lịch trả 2.000.000đồng.
- Ngày 08/12/2020 âm lịch trả 5.000.000đồng.
- Ngày 03/4/2021 âm lịch trả 3.500.000đồng.
- Ngày 15/4/2021 âm lịch trả 11.500.000đồng.
- Ngày 25/5/2021 âm lịch trả 3.000.000đồng.

Như vậy, tổng cộng bà L đã trả cho tôi được 30.000.000đ, còn lại số tiền 50.000.000đ bà L vẫn nợ tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho tôi số tiền 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng).

Về lãi xuất: Tôi yêu cầu bà L phải trả lãi cho tôi từ ngày 30/02/2020 cho đến nay với mức lãi suất 12% một năm.

Tại phiên tòa bà M chấp nhận với mức lãi suất 10%/năm.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2021; Biên bản hòa giải ngày 24/11/2021 và tại phiên tòa - bị đơn bà Hắc Thị L trình bày:

Tôi xác nhận ngày 30/10/2019(âm lịch) tôi có vay tiền của bà M số tiền 80.000.000đ, mục đích là để bổ sung vốn kinh doanh thức ăn chăn nuôi, khi vay tôi có ký giấy vay tiền với bà M, tôi hẹn bà Minh đến ngày 30/02/2020 âm lịch sẽ trả số tiền trên cho bà M. Trong quá trình vay nợ tôi đã trả cho bà M làm nhiều lần như sau:

- Ngày 16/8/2020 âm lịch trả 5.000.000đồng.
- Ngày 26/9/2020 âm lịch trả 2.000.000đồng.
- Ngày 08/12/2020 âm lịch trả 5.000.000đồng.
- Ngày 03/4/2021 âm lịch trả 3.500.000đồng.
- Ngày 15/4/2021 âm lịch trả 11.500.000đồng.
- Ngày 25/5/2021 âm lịch trả 3.000.000đồng.

Tổng cộng tôi đã trả cho bà M được số tiền là 30.000.000đ. Đến nay tôi còn nợ của bà M số tiền 50.000.000đồng(Năm mươi triệu đồng).

Nay bà M khởi kiện yêu cầu tôi trả nợ quan điểm của tôi như sau: Do gia đình tôi gặp rất nhiều khó khăn trong làm ăn nên không thể trả được số tiền 50.000.000đ trong một lần cho bà M được, mà xin bà M cho tôi được trả dần như sau: Tôi sẽ trả cho bà M mỗi tháng 2.000.000đ vào ngày 15 âm lịch hàng tháng cho đến khi hết số tiền nợ.

Về lãi suất: Tôi đề nghị bà M miễn lãi cho tôi còn nếu bà không đồng ý miễn lãi cho tôi thì tôi đề nghị tính theo lãi suất tiền vay của Ngân hàng Nhà nước.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/11/2021 của ông Bùi Đình Tấn chồng bà Liên trình bày:

Vì lý do tay tôi đau tay nên tôi không tự viết được nên tôi đề nghị Tòa án ghi lại lời khai của tôi.

Việc bà L vợ tôi có vay của bà Nguyễn Thị M hay không thì tôi không biết. Nếu bà M khởi kiện yêu cầu bà L vay tiền để mua xe thì không đúng vì. Lúc đó gia đình tôi mua xe hết 480.000.000đ gia đình tôi vay của Ngân hàng nông Nghiệp huyện Hoằng Hóa là 500.000.000đ chứ không phải vay của bà M để góp vào mua xe. Còn việc bà L vay tiền bà M nhằm vào mục đích gì tôi cũng không biết.

Bà M khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 50.000.000đ tôi không liên quan, và gia đình tôi cũng không sử dụng chung vào số tiền vay của bà L.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Hắc Thị L trả cho bà Nguyễn Thị M tính đến ngày 14/01/2021 tiền gốc là 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng); Tiền lãi từ ngày 23/03/2020 dương lịch(ngày 30/2/2020 âm lịch) đến ngày 14/01/2021(DL) với lãi suất 10%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với bà Hắc Thị L là có cơ sở, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Hắc Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc tính đến ngày 14/01/2022 là 50.000.000đ; Tiền nợ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại xã Hoằng Ngọc, huyện Hoằng Hóa và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 24/12/2021 Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Hắc Thị L nhưng bà vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227; Điều 233; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự nên đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Bà Hắc Thị L: Ngày 30/10/2019(AL) có vay tiền của bà Nguyễn Thị M số tiền 80.000.000đ. Giấy vay tiền ngày 30/10/2019(AL). Thời hạn hẹn đến ngày 30/02/2020(AL) sẽ trả hết toàn bộ số tiền trên cho bà M nhưng đến nay bà L mới chỉ trả cho bà M được số tiền 30.000.000đ. Bà L còn nợ của bà M số tiền tính đến ngày 14/01/2022 là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Giấy vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự ; nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà L không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm cam kết. Như vậy, việc bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi đến ngày 14/01/2022, theo đó, bà Hắc Thị L phải thanh toán cho bà M số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/3/2020(tức 30/02/2020 âm lịch) đến ngày mở phiên tòa hôm nay là 663 ngày trên số tiền gốc là 80.000.000đ của từng thời điểm cụ thể .

Việc bà M yêu cầu bà L phải trả theo mức lãi suất 10%/ năm, bà L không đồng ý, nguyện vọng của bà L xin được miễn lãi còn không thì bà đề nghị tính theo mức lãi suất của ngân hàng thì bà sẽ chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất , phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để áp dụng tính lãi suất là 10%/ năm, từ ngày 23/3/2020 đến ngày 14/01/2022 tổng cộng 12.025.479đ tiền lãi cho bà M.

Đối với yêu cầu của bà L xin miễn lãi, bà M không đồng ý. Do đó yêu cầu của bà Liên không được chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu và phương thức trả nợ: Bà Hắc Thị L thừa nhận khoản vay như bà Nguyễn Thị M yêu cầu là đúng và cam kết sẽ trả cho bà M vào ngày 30/02/2020 âm lịch sẽ trả nợ cho bà M, nhưng bà chỉ trả được cho bà M, số tiền cụ thể như sau: Ngày 16/8/2020 âm lịch trả 5.000.000đ; Ngày 26/9/2020 âm lịch trả 2.000.000đồng; Ngày 8/12/2020 âm lịch trả 5.000.000đồng; Ngày 3/4/2021 âm lịch trả

3.500.000đồng; Ngày 15/4/2021 âm lịch trả 11.500.000đồng; Ngày 25/5/2021 âm lịch trả 3.000.000đồng.

Tổng cộng bà L đã trả cho bà M được số tiền gốc là 30.000.000đ. đến nay bà Liên còn nợ của bà Minh 50.000.000đ nhưng hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ.

Do đó yêu cầu của bà M buộc bà L phải trả cho bà làm một lần là có căn cứ để chấp nhận. Buộc bà L phải trả cho bà M số tiền lãi và gốc là 62.134.470đ(Sáu mươi hai triệu một trăm ba tư ngàn bốn trăm bảy mươi đồng).

[4]Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hắc Thị L phải chịu 62.025.479đ x 5% = 3.101.273đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271,Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

2. Buộc bà Hắc Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là: 62.025.479 đồng(Sáu mươi hai triệu không trăm mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 50.000.000đồng(năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đến ngày 14/01/2022 là: 12.025.479đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án,mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủthì phải chịu phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015,đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bà Hắc Thị L phải chịu 3.101.273đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, Bị đơn bà Hắc Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND h Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THADS h. Hoằng Hóa;*
- *UBND xã Hoằng Ngọc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phương